

SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN VỀ DỊCH VỤ TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG TẠI HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI NĂM 2023

Dương Văn Quân^{1,✉}, Nguyễn Thị Thùy Trang²

¹Khoa Y, Đại học Đại Nam

²Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả sự hài lòng về dịch vụ tiêm chủng mở rộng của người dân tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 776 người đưa trẻ đến tiêm chủng tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội từ tháng 5/2023 đến tháng 1/2024. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ hài lòng chung về dịch vụ tiêm chủng mở rộng là 86,2%; hầu hết hài lòng về thái độ của nhân viên y tế, thời gian chờ đợi, sự giải thích trước, trong và sau khi tiêm chủng và các khu vực tiêm chủng; 54,9% đối tượng tham gia nghiên cứu đã từng phải ra về vì hết vắc xin. Tiêm chủng là yếu tố quan trọng của chăm sóc sức khỏe ban đầu, vì vậy cần nâng cao chất lượng dịch vụ tiêm chủng để hướng đến sự hài lòng của người dân.

Từ khóa: Tiêm chủng mở rộng, huyện Sóc Sơn, sự hài lòng.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

An ninh và an toàn vắc xin là vấn đề vô cùng quan trọng để duy trì sự ổn định của hệ thống tiêm chủng quốc gia.¹ Hiện nay, tại Việt Nam đã có 10 loại vắc xin được đưa vào chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 5 tuổi. Theo các báo cáo kết quả của chương trình tiêm chủng mở rộng từ khi triển khai đến năm 2017 đã cứu sống 42.000 người và giúp 6,7 triệu trẻ em phòng ngừa các bệnh như bại liệt, uốn ván, thương hàn, sởi và ho gà với tỷ lệ tiêm chủng cao.¹ Tính đến năm 2023, Việt Nam đã đảm bảo và duy trì tỷ lệ tiêm chủng mở rộng trên 90%.² Theo kế hoạch sẽ đưa thêm một số loại vắc xin cần thiết khác vào trong chương trình tiêm chủng mở rộng tại Việt Nam để tăng hiệu quả phòng bệnh. Lộ trình bao gồm đưa vắc xin phòng bệnh do vi rút Rota từ năm 2022, vắc xin phòng bệnh do phế cầu từ năm 2025, vắc xin phòng bệnh ung thư cổ tử cung từ năm 2026 và

vắc xin phòng bệnh cúm mùa từ năm 2030.^{3,4} Chất lượng cuộc sống tăng lên, đòi hỏi chất lượng các loại dịch vụ nói chung và dịch vụ y tế cũng phải không ngừng tăng theo, thỏa mãn nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người dân. Nghiên cứu của Trần Thị Bích Hồi và cộng sự (2019) ghi nhận 74% bà mẹ hài lòng với dịch vụ tiêm chủng mở rộng tại trạm y tế xã thuộc huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.⁵ Nghiên cứu của Trịnh Xuân Thiều và cộng sự (2023) về sự hài lòng với tiêm chủng mở rộng tại Bình Phước là 86,3%.⁶ Tại Việt Nam, các vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm như lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván... đã được đưa vào chương trình tiêm chủng mở rộng và bắt buộc đối với từng đối tượng tương ứng.⁷ Khi việc sử dụng vắc xin mang tính bắt buộc có thể dẫn đến sự không hài lòng của người dân. Sự hài lòng về dịch vụ tiêm chủng mở rộng bao gồm sự hài lòng về quá trình tiêm chủng (tiếp đón, khám sàng lọc, tiêm, theo dõi sau tiêm), cơ sở vật chất và chất lượng các vắc xin. Tuy nhiên, hiện nay những dữ liệu về sự hài lòng của người dân về tiêm chủng mở rộng còn hạn chế, vì vậy, câu hỏi

Tác giả liên hệ: Dương Văn Quân

Khoa Y, Đại học Đại Nam

Email: quandv@dainam.edu.vn

Ngày nhận: 04/03/2024

Ngày được chấp nhận: 19/03/2024

đặt ra là tỷ lệ hài lòng chung về dịch vụ tiêm chủng mở rộng là bao nhiêu? Tỷ lệ hài lòng về từng cấu phần trong dịch vụ tiêm chủng là như thế nào? Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu: Mô tả sự hài lòng về dịch vụ tiêm chủng mở rộng của người dân tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội năm 2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

- Người chăm sóc trẻ đưa trẻ đi tiêm chủng mở rộng tại các Trạm y tế của huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Tiêu chuẩn lựa chọn

Người đưa trẻ dưới 5 tuổi đi tiêm chủng các vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng. Ứng với mỗi trẻ chỉ phỏng vấn người đưa đi 1 lần trong thời gian thu thập số liệu (tháng 6 đến tháng 10/2023).

Tiêu chuẩn loại trừ

Người chăm sóc trẻ không đồng ý tham gia nghiên cứu, không có khả năng giao tiếp, có vấn đề về nhận thức và dưới 18 tuổi.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho một tỉ lệ để tính cỡ mẫu tối thiểu:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \cdot \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n là cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu.

$Z_{(1-\alpha/2)}$ là hệ số tin cậy ứng với độ tin cậy 95% ($\alpha = 0,05$), $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$.

p: Tỷ lệ người chăm sóc trẻ hài lòng về dịch vụ tiêm chủng mở rộng. Chọn $p = 0,74$ là tỷ lệ hài lòng về dịch vụ tiêm chủng mở rộng theo nghiên cứu của Trịnh Thị Bích Hồi và cộng sự.⁵

d: là sai số tuyệt đối, chọn $d = 0,1$.

Từ công thức, tính được cỡ mẫu tối thiểu là 115 đối tượng nghiên cứu, dự trừ thêm

10% thành 127 đối tượng nghiên cứu.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 5/2023 đến tháng 1/2024 trong đó thời gian tiến hành thu thập số liệu từ tháng 6 đến tháng 10/2023.

- Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành tại các trạm y tế của huyện Sóc Sơn, Hà Nội: Phù Lỗ, Mai Đình, Phú Minh, Kim Lũ, Đức Hòa, Xuân Giang và Xuân Thu.

Phương pháp chọn mẫu và quy trình thu thập số liệu: chọn mẫu xác suất kết hợp với không xác suất: ngẫu nhiên đơn kết hợp với chọn mẫu toàn bộ.

Bước 1: Lập danh sách 26 trạm y tế xã thuộc huyện Sóc Sơn.

Bước 2: Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn - bốc thăm ngẫu nhiên chọn ra 7 xã tiến hành nghiên cứu (phù hợp với nguồn lực của nhóm nghiên cứu). Các xã chọn ra là các trạm y tế xã: Phù Lỗ, Mai Đình, Phú Minh, Kim Lũ, Đức Hòa, Xuân Giang và Xuân Thu.

Bước 3: Xin phép ban lãnh đạo trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã, tiến hành thu thập số liệu bằng bộ câu hỏi đã thiết kế sẵn tại các trạm y tế đã được chọn vào các buổi tổ chức tiêm chủng mở rộng. Trong mỗi buổi tiêm chủng mở rộng tại 7 trạm y tế, tiến hành thu thập số liệu của toàn bộ người đưa trẻ dưới 5 tuổi đến tiêm chủng các loại vắc xin có trong chương trình tiêm chủng mở rộng từ ngày tháng 6 đến tháng 10/2023 và thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn.

Bước 4: Sau mỗi buổi thu thập số liệu cần kiểm tra lại phiếu và loại bỏ những phiếu chưa đủ thông tin.

Bước 5: Nhập liệu và làm sạch số liệu.

Trên thực tế, từ tháng 6 đến tháng 10/2023 đã thu thập được 776 đối tượng thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn tham gia vào nghiên cứu.

Công cụ thu thập số liệu và biến số/chi số

- Bộ câu hỏi được thiết kế sẵn 2 phần dựa

trên sự tham khảo của bộ câu hỏi đánh giá chất lượng dịch vụ y tế tuyến xã tại huyện Sóc Sơn, tham khảo Nghị định 104, và thông tư 34.^{3,4}

Phần 1: Thông tin chung bao gồm tuổi, giới...

Phần 2: Sự hài lòng về dịch vụ tiêm chủng mở rộng bao gồm 12 câu hỏi liên quan đến sự hài lòng.

Thời gian chờ được tiêm, được kiểm tra, giải thích trước tiêm, được theo dõi, căn dặn sau tiêm, thái độ của nhân viên y tế, cảm nhận về chất lượng tiêm chủng, tình trạng vắc xin, cảm nhận về khu vực khám sàng lọc, chờ tiêm, tiêm và theo dõi sau tiêm. Tổng điểm của 12 câu hỏi trên sẽ là 14 điểm, sau khi tham khảo ý kiến chuyên gia về tiêm chủng chúng tôi lấy mốc 80% số điểm để đánh giá sự hài lòng của đối tượng nghiên cứu về dịch vụ tiêm chủng mở rộng. Nếu đối tượng nghiên cứu báo cáo số điểm > 80% tổng số điểm được cho là hài lòng với hoạt động tiêm chủng dịch vụ tại trạm y tế.

Kỹ thuật thu thập số liệu

Số liệu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn bằng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn bao gồm thông tin chung và thông tin về

sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ tiêm chủng mở rộng.

Phân tích số liệu

Số liệu sau khi thu thập được nhập vào bằng phần mềm Epidata 3.0 sau đó chuyển sang phần mềm SPSS 20.0 để phân tích cho ra các bảng kết quả về thông tin chung của đối tượng nghiên cứu, sự hài lòng của đối tượng nghiên cứu: Thống kê mô tả cho ra các bảng tần số và tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình thể hiện các thông tin chung, sự hài long về dịch vụ tiêm chủng mở rộng.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng đề cương khóa luận tốt nghiệp của Trường Đại học Y dược, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nghiên cứu được sự đồng thuận của Ban lãnh đạo Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn và 7 trạm y tế (Phù Lỗ, Mai Đình, Phú Minh, Kim Lũ, Đức Hòa, Xuân Giang và Xuân Thu).

Đối tượng nghiên cứu được giải thích rõ mục tiêu nghiên cứu, có thể từ chối tham gia nghiên cứu bất cứ lúc nào. Mọi thông tin của đối tượng nghiên cứu đều được giữ bí mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

Bảng 1. Một số đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Nhóm tuổi</i>		
≤ 30 tuổi	365	47,0
> 30 tuổi	411	53,0
<i>Tuổi trung bình (TB ± SD)</i>	34,24±11,64	
<i>Giới tính</i>		
Nam	196	25,3
Nữ	580	74,7
<i>Tổng</i>	776	100

Trong tổng số 776 đối tượng tham gia vào nghiên cứu, đa số (53%) có độ tuổi > 30 tuổi và nữ giới chiếm đa số (74,7%).

Bảng 2. Đánh giá của người dân về nhân viên y tế

	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Thời gian đợi để được tiêm</i>	≤ 30 phút	749	96,5
	> 30 phút	27	3,5
<i>Được khám sàng lọc trước khi tiêm</i>	Có	748	96,4
	Không	28	3,6
<i>Giải thích trước khi tiêm</i>	Có	743	95,7
	Không	33	4,3
<i>Được theo dõi sau tiêm</i>	Có	731	94,2
	Không	45	5,8
<i>Được tư vấn sau khi tiêm</i>	Có	732	94,3
	Không	44	5,7
<i>Cảm nhận về thái độ của nhân viên y tế</i>	Lạnh nhạt	47	6,1
	Bình thường	66	8,5
	Quan tâm chu đáo	663	85,4
<i>Cảm nhận về chất lượng tiêm chủng</i>	Trung bình, khá	65	8,4
	Tốt	711	91,6

Bảng kết quả cho thấy hầu hết đối tượng nghiên cứu có thời gian chờ đợi ≤ 30 phút thì được tiêm (96,5%); được kiểm tra trước khi tiêm (96,4%); được giải thích trước khi tiêm (95,7%); được theo dõi và được căn dặn sau khi tiêm. Phần lớn đối tượng nghiên cứu cảm nhận về

thái độ của nhân viên y tế là quan tâm chu đáo (85,4%) và chỉ có 6,1% nói rằng nhân viên y tế có thái độ lạnh nhạt trong suốt quá trình chờ trẻ đi tiêm chủng. Về chất lượng tiêm chủng, hầu hết đối tượng nghiên cứu đánh giá là tốt (91,6%).

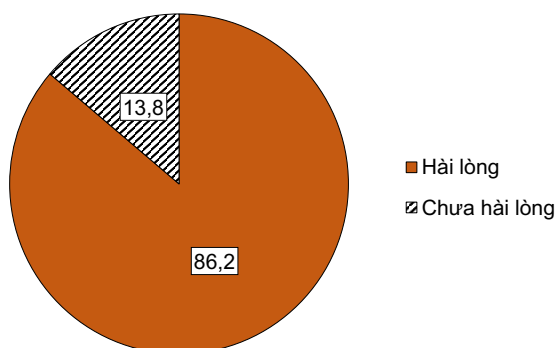
Bảng 3. Đánh giá của người dân về khu vực tiêm chủng và vắc xin

	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Về vi hết vắc xin</i>	Có	426	54,9
	Không	350	45,1
<i>Cảm nhận về khu vực ngồi chờ tiêm</i>	Tốt	720	92,8
	Chưa tốt	56	7,2
<i>Cảm nhận về khu vực khám sàng lọc</i>	Tốt	752	96,9
	Chưa tốt	24	3,1

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ
Cảm nhận về khu vực tiêm	Tốt	747	96,3
	Chưa tốt	29	3,7
Cảm nhận về khu vực theo dõi sau tiêm	Tốt	751	96,8
	Chưa tốt	25	3,2

Bảng kết quả cho thấy hơn 90% đối tượng nghiên cứu đánh giá tốt về khu vực khám sàng lọc, khu vực tiêm, khu vực ngồi chờ tiêm và khu

vực theo dõi sau tiêm. Trong tổng số đối tượng tham gia nghiên cứu, ghi nhận 54,9% đối tượng nghiên cứu đã từng phải ra về vì hết vắc xin.



Biểu đồ 1. Sự hài lòng của người dân về dịch vụ tiêm chủng mở rộng

Trong tổng số đối tượng tham gia nghiên cứu đa số (86,2%) hài lòng về dịch vụ tiêm chủng mở rộng tại trạm y tế.

IV. BÀN LUẬN

Hiện nay, với sự phát triển nhanh chóng của các phòng tiêm dịch vụ thì sự hài lòng của người dân về dịch vụ tiêm chủng mở rộng là một trong những kết quả có thể đoán được. Một phần lý do có thể xuất phát từ tiềm lực kinh tế khiến người dân di chuyển dần từ tiêm chủng mở rộng sang tiêm chủng dịch vụ, một phần khác cũng có thể đến từ sự không hài lòng về chất lượng của vắc xin và chất lượng của quá trình tiêm chủng các vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng tại các trạm y tế. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy đa số người chăm sóc trẻ hài lòng về hoạt động tiêm chủng mở rộng tại các trạm y tế. Kết quả này của chúng

tôi cao hơn kết quả nghiên cứu của Trần Thị Bích Hồi và cộng sự về sự hài lòng với dịch vụ tiêm chủng mở rộng ở các bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại trạm y tế xã, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng năm 2019. Trong nghiên cứu của Trần Thị Bích Hồi và cộng sự ghi nhận 74% hài lòng chung về tiêm chủng mở rộng; 50,7% bà mẹ đánh giá thái độ của nhân viên y tế là quan tâm chu đáo và rất chu đáo; 57,7% bà mẹ tham gia nghiên cứu đánh giá chất lượng dịch vụ tiêm chủng mở rộng là ở mức tốt và rất tốt, trong khi đó, kết quả của chúng tôi đều cao hơn và lần lượt là 86,2%; 85,4% và 91,6%.⁵ Kết quả của chúng tôi có phần khả quan hơn có thể do thời điểm tiến hành khảo sát của chúng tôi là năm 2023, trong khi Trần Thị Bích Hồi và cộng sự tiến hành vào năm 2019. Cùng ngày xã hội càng phát triển, thu nhập của người dân càng tăng và sự quan tâm của Nhà nước đối với các dịch vụ y tế công

cộng ngày càng nhiều, vì vậy theo thời gian các hoạt động tiêm chủng mở rộng cũng được quan tâm nhiều hơn dẫn đến chất lượng tốt hơn và sự hài lòng ngày càng cao. Ngoài ra, sự khác biệt giữa kết quả của hai nghiên cứu có thể do sự khác nhau về địa điểm nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu. Tuy nhiên, nhìn chung đa số đối tượng nghiên cứu vẫn hài lòng về tiêm chủng mở rộng tại Việt Nam. Một nghiên cứu mới nhất được tiến hành năm 2023 được Trịnh Xuân Thiều và cộng sự thực hiện để khảo sát sự hài lòng về tiêm chủng mở rộng tại các trạm y tế thuộc Trung tâm Y tế Đồng Xoài, Bình Phước đã cho kết quả tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi (86,3% hài lòng chung với tỷ lệ hài lòng cao nhất là về cung cấp dịch vụ với 97,4% hài lòng và thấp nhất là khía cạnh cơ sở vật chất và phương tiện với 92,2%).⁶ Để đánh giá chính xác những yếu tố nào dẫn đến sự không hài lòng của người dân để từ đó có các biện pháp khắc phục kịp thời và chính xác, chúng tôi đã phân tích yếu tố thời gian chờ đợi để được tiêm và lấy thời gian chờ 30 phút làm mốc. Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết người dân chỉ phải chờ đợi tối đa là 30 phút thì trẻ sẽ được tiêm. Kết quả nghiên cứu này của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Ermias Dana và cộng sự khi nghiên cứu về sự hài lòng về dịch vụ tiêm chủng với khoảng 80% báo cáo thời gian chờ đợi từ 5 đến 30 phút sẽ được tiêm.⁸ Việc phải chờ đợi bao lâu sẽ được tiêm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như nguồn nhân lực, cơ sở vật chất hay tác phong của nhân viên y tế tại trạm y tế. Nếu tại một địa phương số lượng nhân viên y tế ít hơn rất nhiều so với số trẻ hiện có của địa phương đó có thể dẫn đến tình trạng phải chờ đợi lâu mới đến lượt tiêm. Điều này đã được phản ánh trong một nghiên cứu của Eyasu Tesfaye và cộng sự tại Ethiopia nơi mà nguồn nhân lực y tế đang thiếu hụt dẫn đến tình trạng 70,1% người được hỏi trả lời phải

chờ đợi hơn 30 phút mới được tiêm.⁹ Vì vậy, để đánh giá cấu phần thời gian chờ đợi trong sự hài lòng cần phải khảo sát cả yếu tố nguồn lực và tình hình y tế của từng địa phương để có cái nhìn khách quan nhất. Cũng trong nghiên cứu tại Ethiopia, kết quả cho thấy hầu hết đối tượng nghiên cứu trả lời hài lòng về sự có sẵn của dịch vụ (sẵn vắc xin khi đến độ tuổi tiêm chủng), trong khi đó trong nghiên cứu của chúng tôi lại ghi nhận đa số đối tượng tham gia nghiên cứu đã từng phải đưa trẻ về vì tình trạng thiếu vắc xin. Sự khác nhau này phụ thuộc vào nguồn vắc xin của mỗi quốc gia. Trong những năm gần đây, tại các nước Châu Phi, nguồn vắc xin do Tổ chức Y tế Thế giới cung cấp luôn sẵn có đối với các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng. Trong khi đó, thời gian tiến hành nghiên cứu của chúng tôi vào nửa cuối năm 2023, thời điểm tại Việt Nam đang khan hiếm vắc xin 5 trong 1 do sự gián đoạn chuỗi cung ứng từ nhà sản xuất và phải chờ đợi Bộ Y tế kí kết hợp tác với nhà sản xuất khác. Vì vậy, vào thời điểm nửa cuối năm 2023 hầu hết các trạm y tế tại Việt Nam đều thiếu vắc xin, do đó kết quả khảo sát trong nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận đến hơn 50% đã từng phải ra về vì hết vắc xin. Đây cũng có thể là một lý do trong nghiên cứu của chúng tôi có thể dẫn đến sự sai lệch về sự hài lòng của người dân đối với hoạt động tiêm chủng mở rộng tại Việt Nam. Để khắc phục nhược điểm này chúng tôi dự kiến sẽ quay lại nghiên cứu ở giai đoạn tiếp theo trong tương lai để đánh giá chính xác hơn. Khi đánh giá sự hài lòng của người dân không thể bỏ qua cấu phần thái độ và sự tận tâm của nhân viên y tế, trong nghiên cứu của chúng tôi phần lớn đối tượng nghiên cứu đều hài lòng và đánh giá nhân viên y tế chu đáo tận tình. Kết quả này của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Eyasu Tesfaye và cộng sự với 7,7% đối tượng tham gia nghiên cứu báo cáo rằng

nhân viên y tế rất thân thiện và 46,4% báo cáo rằng nhân viên y tế thân thiện.⁹ Trong nghiên cứu của chúng tôi, hầu hết đối tượng tham gia nghiên cứu đều hài lòng về khu vực khám sàng lọc, khu vực ngồi chờ tiêm, khu vực tiêm và khu vực theo dõi sau tiêm. Trong kết quả nghiên cứu của Eyasu Tesfaye và cộng sự ghi nhận gần 90% hài lòng về khu vực phòng tiêm, sự cung cấp thông tin về vắc xin, tác dụng phụ và các lưu ý của vắc xin.⁹ Những kết quả này hoàn toàn tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi. Điều đó cho thấy, việc nhận thức được tầm quan trọng và đầu tư vào hoạt động tiêm chủng của các quốc gia ngày càng cao. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã phản ánh một phần chất lượng tiêm chủng mở rộng thông qua sự hài lòng của người dân từ đó phát hiện các khía cạnh cần được quan tâm và khắc phục trong công tác dự phòng sức khỏe cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi còn hạn chế khi chưa đi sâu phân tích được cơ sở vật chất của các trạm y tế, vì vậy, cần có một nghiên cứu tổng thể hơn bao gồm cả thái độ làm việc của nhân viên y tế, cơ sở vật chất, chất lượng vắc xin... mới phản ánh được sự hài lòng tổng quát của người dân về hoạt động tiêm chủng mở rộng tại Việt Nam.

V. KẾT LUẬN

Tiêm chủng là hoạt động quan trọng trong công tác y tế dự phòng nâng cao sức khỏe của cộng đồng. Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận 86,2% đối tượng hài lòng về tiêm chủng mở rộng, nhiều trường hợp (54,9%) phải ra về vì hết vắc xin. Trong đó, hầu hết đối tượng tham gia nghiên cứu đều hài lòng về thời gian chờ đợi được tiêm, thái độ của nhân viên y tế, các khu vực khám sàng lọc, chờ tiêm, tiêm chủng và theo dõi sau tiêm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization. Vaccines and immunization. Accessed 18/1/2024, https://www.who.int/health-topics/vaccines-and-immunization#tab=tab_1

2. Bộ Y tế. Báo cáo số 11/BC-BYT - Tổng kết công tác y tế năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2024. 2024.

3. Chính Phủ. Nghị Quyết số 104/NQ-CP về lộ trình tăng số lượng vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021-2030.

4. Bộ Y tế. Thông tư 34/2018/TT-BYT - Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

5. Trần Thị Bích Hồi, Nguyễn Quang Chính, Đào Thị Ngọc, và cs. Sự hài lòng về dịch vụ tiêm chủng mở rộng và một số yếu tố liên quan ở các bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Trạm Y tế xã, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng năm 2019. *Tạp chí Y học Dự phòng*. 2021;31(1):11-24.

6. Trịnh Xuân Thiều, Nguyễn Thu Hương. Sự hài lòng của người dân sử dụng dịch vụ tiêm chủng mở rộng tại Trung tâm Y tế Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, năm 2023. *Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển*. 2023;7(6):131-138.

7. Bộ Y tế. Thông tư số 38/2017/TT-BYT - Ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc.

8. Dana Ermias, Asefa Yisalemush, Hirigo Agete Tadewos, et al. Satisfaction and its associated factors of infants' vaccination service among infant coupled mothers/caregivers at Hawassa city public health centers. *Human vaccines & immunotherapeutics*. 2021;17(3):797-804.

9. Tesfaye Eyasu, Debie Ayal, Sisay Fasil, et al. Maternal satisfaction on quality of childhood vaccination services and its associated factors at public health centers in Addis Ababa, Ethiopia. *BMC Health Services Research*. 2023;23(1):1315.

Summary

SATISFACTION WITH EXPANDED PROGRAM ON IMMUNIZATION AMONG PEOPLE IN SOC SON DISTRICT, HANOI

This study aimed to describe the satisfaction level with the Expanded Program on Immunization among people in Soc Son District, Hanoi. A cross-sectional was conducted on 776 people in Soc Son district, Hanoi from May 2023 to January 2024. The results showed that the overall satisfaction rate with the Expanded Program on Immunization was 86.2%; most participants were satisfied with the healthcare staff's attitude, waiting time, pre, during, and post-vaccination explanations, as well as vaccination areas; 54.9% of the study subjects had to stop participating the study due to vaccine shortages. Vaccination is a crucial element of primary healthcare, emphasizing the need to enhance vaccination quality and focus on community satisfaction.

Keywords: Expanded Program on Immunization, Soc Son district, satisfaction.